

Trong số này

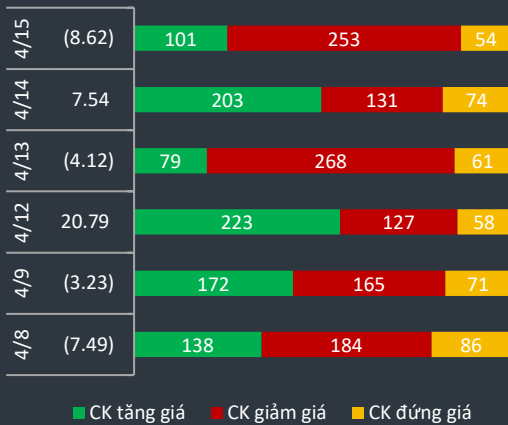
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VHM	(297.68)	
E1VFN30	(111.94)	
KDH	(63.15)	
CII	(56.22)	
VRE	(54.03)	
PLX	(51.29)	
HPG	(41.92)	
BID	(38.30)	
FLC		5.84
MCH		6.46
DPM		6.50
MSN		15.33
HSG		16.45
FUEVFN30		25.43
VIC		78.84
NVL		112.52

Sau phiên bắt đáy đảo chiều hôm trước thị trường tiếp nối đà hưng phấn vào phiên sáng. Tuy nhiên hôm nay là phiên đảo hạn hợp đồng phái sinh nên thị trường có những diễn biến bất ngờ. Áp lực bán trong ngày là khá mạnh trong tình hình VIC, VHM đã suy yếu và MSN chỉ tăng tốc được vào buổi sáng. Nhóm blue chip chỉ còn NVL, HPG còn động lực khá nhất. HPG cùng nhóm thép trong ngày lại bức phá mạnh bất chấp sự suy yếu chung của thị trường. Hàng loạt cổ phiếu HPG, HSG, NKG, TLH, POM đều tăng mạnh. Theo báo cáo của Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) các doanh nghiệp sản xuất tổng cộng 1,37 triệu tấn tôn mạ, tiêu thụ gần 1,25 triệu tấn.

Tập đoàn Hoa Sen (Mã: HSG) tiêu thụ xấp xỉ 443.300 tấn. Trong đó, thị trường xuất khẩu chiếm 70%, đạt 310.000 tấn; kế đến là miền Nam với 79.300 tấn. Thị phần của Hoa Sen tăng từ 33,4% năm 2020 lên 35,5% trong quý đầu năm nay, chiếm vị trí đầu ngành. Lũy kế 6 tháng đầu niên độ (10/2020 - 3/2021), tập đoàn HSG đạt doanh thu thuần 19.941 tỷ đồng, lãi sau thuế 1.406 tỷ đồng, tương đương lần lượt 60% và 94% kế hoạch cả niên độ.

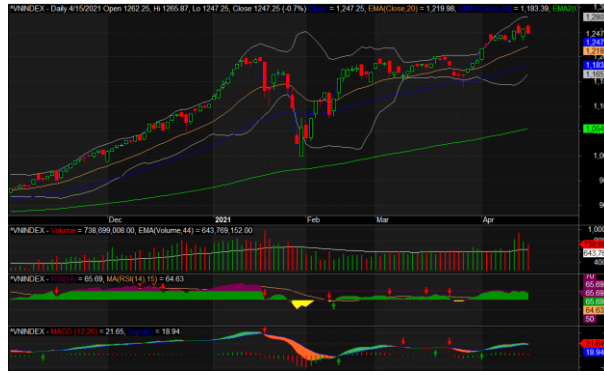
Thép Nam Kim (Mã: NKG) bán ra 194.500 tấn tôn trong quý đầu năm, thị phần cải thiện từ 14,4% cả năm ngoái lên 15,6% ba tháng đầu 2021. Giống Hoa Sen, thị trường chủ lực của Nam Kim cũng là xuất khẩu với sản lượng lên tới gần 152.000 tấn, tương đương 78% tổng bán ra.

Tập đoàn Hòa Phát (Mã: HPG) cũng đang tăng tốc trong cuộc đua tôn mạ. Trong ba tháng đầu năm nay, Hòa Phát đã bán ra tới 73.700 tấn, cao gấp ba lần cùng kỳ và chiếm 5,9% thị phần toàn ngành. Tỷ trọng xuất khẩu đạt gần 45%, nhỏ hơn so với Hoa Sen và Nam Kim. Thị trường miền Bắc chiếm hơn 33%.

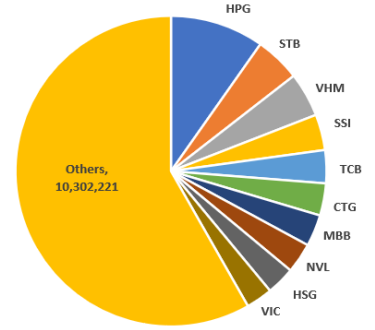
Ngoài nhóm cổ phiếu thép thì các nhóm cổ phiếu penny lại nổi sóng với hàng loạt cổ phiếu tăng trần dư mua như DLG, HQC, ROS, FLC, HAI ... Trong khi đó nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục trạng thái đi ngang và chỉ có vài mã xanh nhẹ như EIB, SHB, LPB.

Vnindex 1,247.25

▼ -8.62 (-0.69%)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
HPG	54.5	1,500	2.83
NVL	102.5	2,400	2.40
VHM	101.2	700	0.70
VIC	140.9	900	0.64
PNJ	92.0	500	0.55
PDR	67.6	-	-
DHG	98.4	(100)	(0.10)
VPB	50.0	(100)	(0.20)
VNM	99.1	(200)	(0.20)
VJC	131.7	(300)	(0.23)
SAB	171.7	(1,000)	(0.58)
GAS	86.0	(500)	(0.58)
MSN	100.0	(700)	(0.70)
VIB	51.9	(400)	(0.76)
VCB	97.5	(1,200)	(1.22)
FPT	80.0	(1,000)	(1.23)
HVN	31.6	(400)	(1.25)
MWG	133.7	(1,700)	(1.26)
CTG	42.2	(550)	(1.29)
PLX	54.4	(800)	(1.45)
HDB	27.4	(550)	(1.97)
BVH	59.5	(1,200)	(1.98)
MBB	30.6	(650)	(2.08)
TCB	40.9	(900)	(2.15)
BID	43.1	(950)	(2.16)
ACB	33.9	(750)	(2.17)
REE	51.7	(1,200)	(2.27)
STB	22.4	(550)	(2.40)
GVR	26.7	(700)	(2.56)
VRE	34.0	(1,000)	(2.86)
TPB	28.8	(850)	(2.87)
POW	13.4	(400)	(2.90)
SSI	34.9	(1,100)	(3.06)
BCM	52.5	(3,800)	(6.75)

Khối ngoại bán ròng đến 857 tỷ đồng trong ngày trong đó riêng VHM bán ròng gần 300 tỷ đồng, cùng với KDH, CII, VRE, PLX. Phía mua ròng nhiều nhất có NVL (112 tỷ đồng), VIC (78.8 tỷ). Phiên trước đó khối ngoại cũng bán ròng lên đến 1000 tỷ đồng.

Chỉ số Vnindex giảm hơn 8 điểm trong ngày đưa chỉ số index trở lại xuống bên dưới ngưỡng 1250. Vùng đỉnh 1250-1260 trở thành kháng cự khá mạnh và trong vài phiên vừa qua thanh khoản gia tăng khá lớn là tín hiệu cảnh báo thị trường đang ở vùng phân phối đỉnh. Một số cổ phiếu đã đạt mục tiêu lợi nhuận có thể chốt lãi dần là ưu tiên giai đoạn hiện tại và cần những tín hiệu điều chỉnh sâu hơn để tích lũy trở lại.

Danh mục nắm giữ

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
NKG	25.4	1.00	17	23	Mua quanh 18-19. Mục tiêu 28	3/3/2021	33.7%
CTG	42.2	1.00	30	40	Nắm giữ. Mục tiêu 50	2/3/2021	20.9%
OCB	24.9	1.00	18	30	Mua quanh 20. Mục tiêu 28	2/3/2021	18.6%
HPG	54.5	10.40	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 60	2/3/2021	29.8%
FPT	80.0	0.50	55	75	Nắm giữ. Chốt lãi quanh 82-84	2/3/2021	14.3%
DIG	29.0	(6.10)	30	38	Mua quanh 32. Mục tiêu 38	3/22/2021	-1.7%
MBB	30.6	(1.90)	20	27	Chốt lãi quanh 33-35	2/3/2021	25.9%
STB	22.4	0.70	15	22	Mua quanh 16-17. Mục tiêu 25	2/3/2021	24.4%
GVR	26.7	(6.20)	20	32	Nắm giữ. Chốt lãi quanh 31-33	2/3/2021	6.8%
PNJ	92.0	4.00	75	90	Mua quanh 75-80. Mục tiêu 90	2/3/2021	11.0%
MWG	133.7	(0.20)	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	2/3/2021	4.9%
HNG	12.7	5.40	11	16	Mua quanh 11-12. mục tiêu 16	3/22/2021	10.4%
VCB	97.5	(2.50)	90	110	Mua quanh 90-95	2/3/2021	-1.4%
VPB	50.0	7.10	30	40	Mua quanh 30-32. Mục tiêu 50	2/3/2021	40.8%
HSG	31.6	6.80	18	28	Mua quanh 20-22. Mục tiêu 32	2/3/2021	32.2%
DGW	130.0	1.00	90	120	Chốt lãi	3/3/2021	30.0%

Chuẩn bị chốt lời

Cổ phiếu đang tăng tốt

Tổng hợp kế hoạch kinh doanh nhóm ngân hàng

Cổ phiếu	Kế hoạch 2021	VDL (tỷ VND)	LN 2020 (tỷ VND)	EPS	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi Nhuận 2020.Q1	yoy
BID	Tăng trưởng huy động vốn phù hợp với sử dụng vốn, dự kiến tăng trưởng 12%-15%. Tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2021 của BIDV dự kiến tăng trưởng 10%-12%; tỷ lệ nợ xấu kiểm soát không vượt 1,6%. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất dự kiến đạt 13.000 tỷ đồng, tăng hơn 40% so với năm 2020. Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 12,2%	40,220	9,026	2,137	3,250	1,814	79%
CTG	Kế hoạch tăng trưởng dư nợ tín dụng 6-12%, vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư phù hợp với sử dụng vốn dự kiến 8-12%. năm 2021, Ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận từ 10 - 20%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%. VietinBank lấy ý kiến cổ đông tăng vốn điều lệ lên 48.000 tỷ đồng thông qua phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương tỷ lệ gần 28,8%	37,234	17,085	4,640	7,500	2,974	152%
VCB	Vietcombank được NHNN giao hạn mức tăng trưởng tín dụng 10,5% và có thể tăng khoảng 14%, cao nhất trong khối ngân hàng quốc doanh (chỉ khoảng 6 - 7,5%). Kế hoạch LN trước thuế năm 2021 khoảng 25,200 tỷ	37,089	23,050	5,354	7,000	5,223	34%
TCB	Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm nay là 19.800 tỷ đồng, tăng 25,3% so với kết quả năm 2020. Dư nợ tín dụng dự kiến đạt gần 356.200 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 12%. Giá trị huy động vốn (bao gồm chứng chỉ tiền gửi cho khách hàng cá nhân) dự kiến đạt 334.291 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 14,7%.	35,049	15,800	4,264	6,000	3,121	92%
MBB	Năm 2021, MB đặt mục tiêu tăng lợi nhuận 25 – 30%, tương đương 14.610 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng riêng lẻ tại thời điểm cuối quý 1 khoảng 1,14%, so với mức 1,46% cùng kỳ. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu gần 150% (tức là 100 đồng nợ xấu thì ngân hàng dự phòng gần 150 đồng).	27,988	10,688	3,742	4,600	2,196	109%
VPB	Thương vụ thoái vốn khỏi FE Credit của VPBank có thể được hoàn thành trong nửa đầu năm 2021 với mức định giá cổ phiếu vào khoảng 3 - 4 lần giá trị sổ sách. Việc bán 49% vốn tại FE Credit sẽ mang về khoản lãi sau thuế 21.000 tỷ đồng. Số tiền này không được ghi nhận như một khoản thu nhập trong kết quả kinh doanh nhưng sẽ làm gia tăng nguồn vốn tự có và giảm chi phí vốn bình quân cho VPBank.	25,300	13,019	4,461	4,000	2,911	37%
ACB	ACB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 9% và tăng vốn điều lệ lên 27.019 tỷ đồng thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%. tổng tài sản tăng 10%, tiền gửi khách hàng và tín dụng đều tăng 9%. Lợi nhuận sau thuế dự kiến là 8.482 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%.	21,616	9,596	3,986	3,100	1,925	61%

HDB	HDBank (HDB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 7.281 tỷ đồng, tăng 25% so với năm trước. Tổng tài sản dự kiến tăng 25% đạt 399.320 tỷ đồng, trong đó dư nợ tín dụng tăng 26% đạt 236.758 tỷ đồng và tổng huy động vốn tăng 25% lên 359.851 tỷ đồng. Ngân hàng cũng trình kế hoạch tăng vốn điều lệ thêm hơn 4.200 qua chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%. Ngân hàng sẽ trình xin ý kiến các cổ đông về việc chấm dứt việc sáp nhập với PGBank	16,088	5,818	3,042	1,550	1,251	24%
SSB	SeABank (SSB) đặt mục tiêu lãi trước thuế 2.414 tỷ đồng, tăng 40% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản đến cuối năm lên kế hoạch tăng 10%, đạt 198.229 tỷ đồng. Huy động tiền gửi của khách hàng ở mức 124.277 tỷ đồng, dư nợ cho vay khách 122.978 tỷ đồng, lần lượt tăng 9,7% và 13%. Tỷ lệ nợ xấu dự kiến duy trì dưới 3%.	12,087	1,729	1,402	698	309	126%
MSB	kế hoạch kinh doanh năm 2021 lợi nhuận trước thuế đạt 3.280 tỷ đồng, tăng 30%. Tổng tài sản tính đến cuối năm 2021 mục tiêu đạt 190.000 tỷ đồng, tăng 8%. Trong đó, dư nợ tín dụng đạt 106.208 tỷ đồng, tăng 125%. Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn đạt 114.105 tỷ đồng, tăng 15%. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.	11,750	2,523	2,338	1,200	290	314%
VIB	VIB đặt kế hoạch tăng trưởng tổng tài sản 26%, đưa tài sản của ngân hàng lên trên 300.000 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng lên 225.000 tỷ đồng, tương đương 31%. Mục tiêu lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 29%, lên trên 7.500 tỷ đồng. VIB dự kiến tăng vốn bằng hình thức chia cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu 40% và dự kiến phát hành chào bán cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau các phương án tăng vốn này là khoảng 16.000 tỷ đồng,	11,094	5,803	4,706	1,800	1,075	67%
OCB	Ngân hàng xác định mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản khoảng 25% và lợi nhuận tăng 30% khoảng trên 5700 tỷ. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 20%. Tiếp tục bán vốn cho NĐTNN. Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại OCB là 20,13% trong khi room ngoại của ngân hàng đang được khoá ở ngưỡng 22%.	10,959	4,419	3,349	1,275	1,107	15%
TPB	TPBank (HoSE: TPB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 5.500 tỷ đồng, tăng 25% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản lên kế hoạch tăng 21% ở mức 250.000 tỷ đồng. Tổng huy động đặt mục tiêu tăng 20% lên 221.893 tỷ đồng. Dự nợ cho vay và trái phiếu tổ chức kinh tế lên mục tiêu tăng 25% lên 165.434 tỷ đồng, tùy thuộc vào mức Ngân hàng Nhà nước cho phép. Tỷ lệ nợ xấu kế hoạch duy trì dưới 2%.	10,717	4,389	3,568	1,400	1,009	39%

EPS: Cập nhật đến Q1.2021

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

VOS	6.78
TLH	6.78
SHI	6.81
DXV	6.84
FLC	6.85
HAI	6.86
PTC	6.86
FTM	6.88
HVX	6.89
PMG	6.91
PXT	6.94
LCM	6.95
RIC	6.96
HCD	6.97
HQC	6.97
ROS	6.97
KMR	6.98
SJF	6.99
TGG	6.99
DLG	7.00
SHA	7.00
KSH	13.16

Top tăng giá HNX

PPE	8.11
KLF	8.62
ACM	9.09
PSE	9.41
V21	9.52
AME	9.84
VE4	9.97
DIH	10.00
HVA	14.29
KHB	15.00

GAS - Năm 2021 dự kiến tổng doanh thu là 70.169 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế là 8.795 tỷ đồng, lần lượt tăng 6,9% và giảm 11,9% so với thực hiện trong năm 2020. Kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp dựa trên kịch bản giá dầu là 45 USD/thùng và tỷ giá là 23.500 đồng.

NTC - CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên - Quý I/2021, NTC ghi nhận doanh thu thuần 68 tỷ đồng, tăng 63% so với cùng kỳ năm ngoái. Doanh thu hoạt động tài chính 86 tỷ đồng, tăng 12%. Lợi nhuận sau thuế đạt gần 113 tỷ đồng, tăng 32%.

DAT - Công ty cổ phần Đầu tư du lịch và Phát triển Thủy sản - Năm 2021, doanh nghiệp dự kiến doanh thu là 2.100 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 40 tỷ đồng, lần lượt giảm 2,8% và 22,9% so với thực hiện trong năm 2020.

VIC - Quyết định tham gia đầu tư vào công ty nước ngoài là Fiscus Consultancy Pte. Ltd. Công ty này được thành lập từ tháng 1/2015, tại Singapore với ngành nghề kinh doanh chính là tư vấn, quản lý tài chính. Phần vốn góp của Vingroup là trên 50% vốn điều lệ Fiscus Consultancy. Giá trị đầu tư cụ thể sẽ được Tổng giám đốc của Vingroup quyết định, nhưng không vượt quá 65% vốn điều lệ.

IDJ - CTCP Đầu tư IDJ Việt Nam - Năm 2021 đặt mục tiêu tổng doanh thu 1.067 tỷ đồng, tăng 145% so với năm 2020. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế tăng 186% lên 225 tỷ đồng, nếu đạt được đây sẽ là mức lợi nhuận kỷ lục của doanh nghiệp.

HĐQT trình phương án phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 100%. Thời gian thực hiện trong quý III. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu 70%.

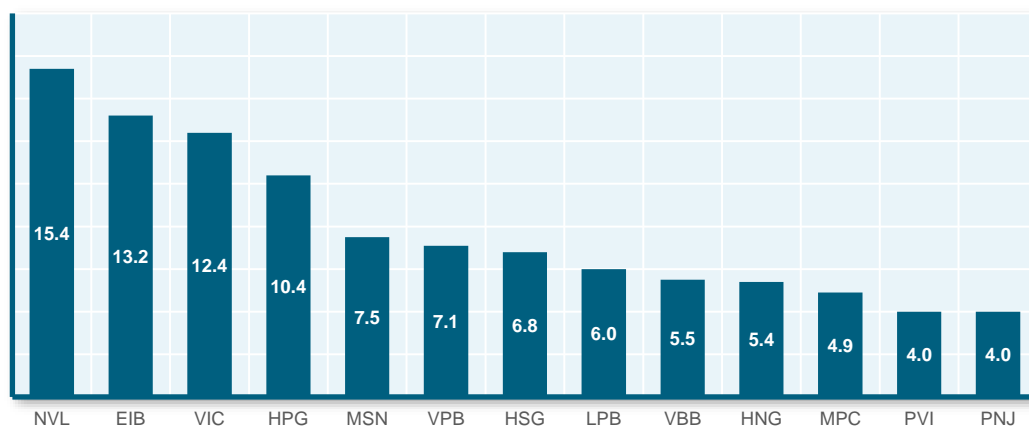
HID - CTCP Halcom Việt Nam - Đã thông qua phương án triển khai phát hành hơn 881.000 cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 theo tỷ lệ 100:1,5 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 1,5 cổ phiếu mới).

ROS - Ngày 14/4 đã nhận được công văn của ông Trịnh Văn Quyết - Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn FLC về việc đăng ký mua thêm 20 triệu cổ phiếu ROS. Thời gian thực hiện dự kiến diễn ra trong vòng 30 ngày theo phương thức khớp lệnh. Chi tiết sẽ được thông báo sau.

FLC - CTCP Tập đoàn FLC - Ngày 12/4, HĐQT đã có nghị quyết thông qua việc triển khai phương án phát hành gần 497 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Tỷ lệ thực hiện 10 - 7 (cổ đông sở hữu 10 được quyền mua 7 cổ phiếu phát hành thêm). Giá chào bán ủy quyền cho HĐQT quyết định. Thời gian thực hiện dự kiến bắt đầu từ quý II/2021.

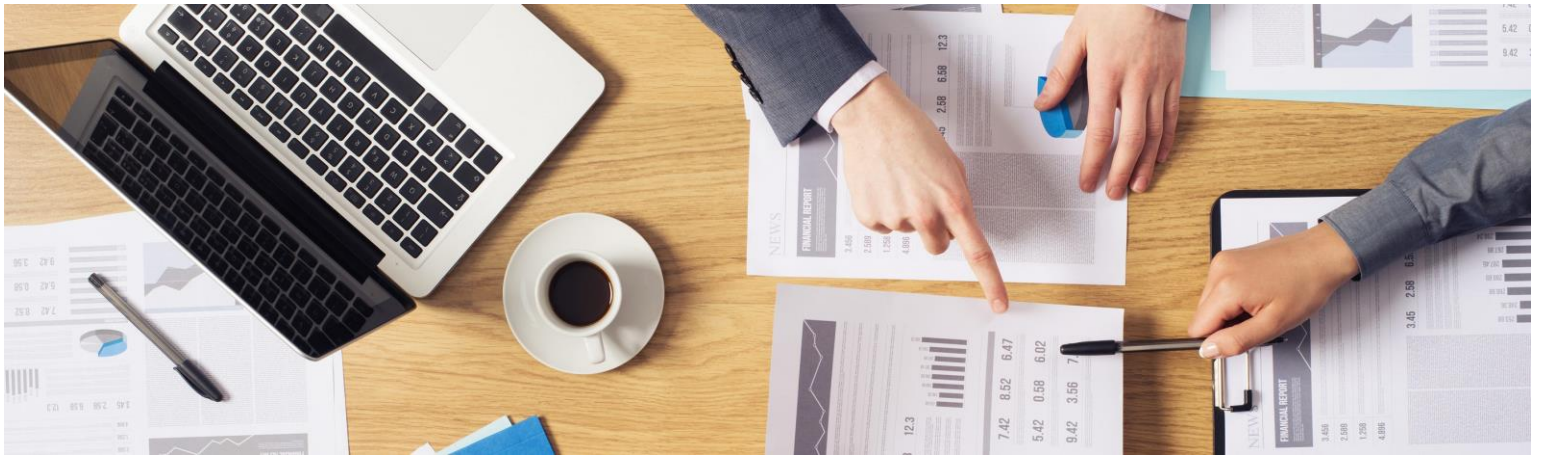


Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

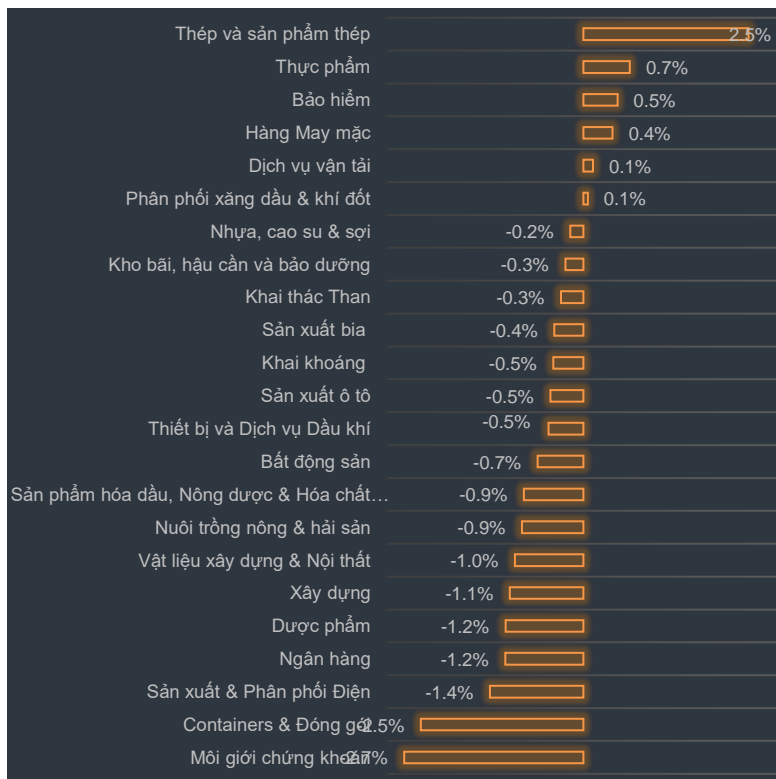
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	HOSE	17.6	3,043,022	6.7	1.1	-	-	10,055	30.00	2,611	15,600
ACB	HOSE	33.9	9,686,700	8.1	2.1	-	318,800	73,169	30.00	4,192	16,399
BAB	HNX	28.5	42,300	31.8	2.4	-	-	20,192	-	895	11,814
BID	HOSE	43.1	3,705,100	24.8	2.2	15,700	900,100	173,148	16.94	1,740	19,803
CTG	HOSE	42.2	13,938,300	11.5	1.8	216,800	621,500	157,128	26.30	3,678	22,939
EIB	HOSE	25.8	1,333,600	29.7	1.9	1,100	52,500	31,719	29.83	870	13,681
HDB	HOSE	27.4	4,656,800	6.9	1.8	435,700	231,400	43,590	16.86	3,988	15,500
LPB	UPCOM	18.6	13,424,200	9.7	1.4	6,100	-	19,935	4.91	1,913	13,243
MBB	HOSE	30.6	18,900,600	9.2	1.7	839,600	1,557,900	85,642	22.96	3,329	18,066
MSB	HOSE	22.6	4,711,500	13.2	1.6	100	75,000	26,148	30.00	1,712	14,362
NVB	HNX	17.5	5,858,149		1.7	-	-	7,119	14.44	3	10,479
OCB	HOSE	24.9	4,195,500	7.7	1.6	18,300	393,400	27,288	15.00	3,225	15,910
SHB	HNX	26.0	20,874,981	16.1	1.9	300	14,894	45,513	6.50	1,611	13,693
SSB	HOSE	27.0	1,409,400	24.0	2.4	-	-	32,636	-	1,126	11,310
STB	HOSE	22.4	36,947,400	15.1	1.4	917,000	715,800	40,312	10.33	1,487	16,054
TCB	HOSE	40.9	14,745,100	11.6	1.9	-	-	143,351	22.49	3,521	21,289
TPB	HOSE	28.8	5,927,900	6.8	1.8	67,200	-	29,712	29.99	4,208	16,231
VCB	HOSE	97.5	2,152,800	19.6	3.7	197,200	152,900	361,616	23.32	4,974	26,655
VIB	HOSE	51.9	708,300	10.5	3.2	500	-	57,577	20.48	4,925	16,202
VPB	HOSE	50.0	8,588,700	11.7	2.3	1,664,800	1,944,900	122,737	22.67	4,272	21,507
			174,850,352	14.46	1.99	4,380,400	6,979,094	1,508,586		2,714	16,537



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	TNB	UPCoM	28/04/2021	29/04/2021	21/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	VNC	HNX	23/04/2021	26/04/2021	20/05/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	CVT	HOSE	19/04/2021	20/04/2021	6/5/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	PRC	HNX	19/04/2021	20/04/2021	14/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	SDK	UPCoM	16/04/2021	19/04/2021	19/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	DTV	UPCoM	15/04/2021	16/04/2021	29/04/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	HAC	UPCoM	15/04/2021	16/04/2021	10/5/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	CFC	UPCoM	14/04/2021	15/04/2021	29/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	DAG	HOSE	14/04/2021	15/04/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Thưởng cổ phiếu
10	FOC	UPCoM	13/04/2021	14/04/2021	29/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 20,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	BSH	UPCoM	13/04/2021	14/04/2021	28/04/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	VND	HOSE	12/4/2021	13/04/2021	22/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	CAT	UPCoM	12/4/2021	13/04/2021	29/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	KKC	HNX	9/4/2021	12/4/2021	28/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	GTH	UPCoM	9/4/2021	12/4/2021	7/5/2021	Trả cổ tức năm 2018 bằng tiền, 150 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	GTH	UPCoM	9/4/2021	12/4/2021	7/5/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	DHD	UPCoM	7/4/2021	8/4/2021	15/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	KBE	UPCoM	6/4/2021	7/4/2021	22/04/2021	Trả cổ tức đợt 1/2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	NTR	UPCoM	5/4/2021	6/4/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	DNR	UPCoM	2/4/2021	5/4/2021	10/5/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	HHP	HOSE	2/4/2021	5/4/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 200:13	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	BWA	UPCoM	2/4/2021	5/4/2021	10/5/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 450 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	RDP	HOSE	2/4/2021	5/4/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:16	Thưởng cổ phiếu
24	L40	HNX	31/03/2021	1/4/2021	19/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	QST	HNX	31/03/2021	1/4/2021	13/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	DIG	HOSE	30/03/2021	31/03/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
27	SAS	UPCoM	30/03/2021	31/03/2021	16/04/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	CMF	UPCoM	30/03/2021	31/03/2021	10/5/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản: AMD, FLC, HQC

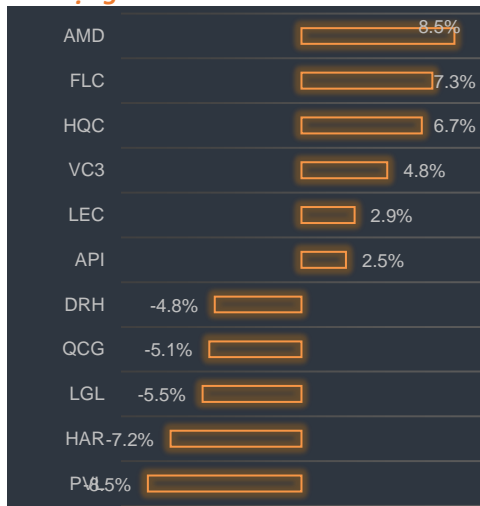
Xây dựng: V21, PXT, ROS

Dầu khí: PMG, HTC, SFC

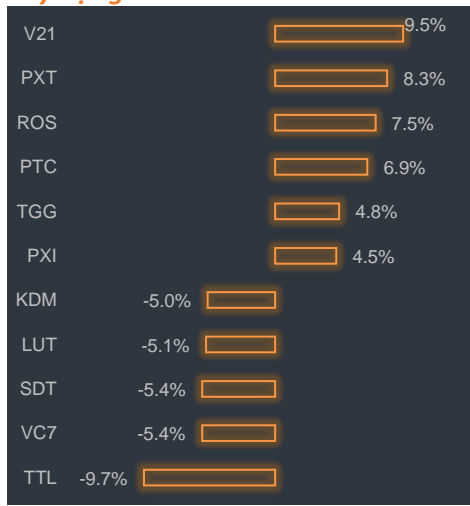
Chứng khoán: SBS, HBS, VIG

Ngân hàng: EIB, SHB, LPB

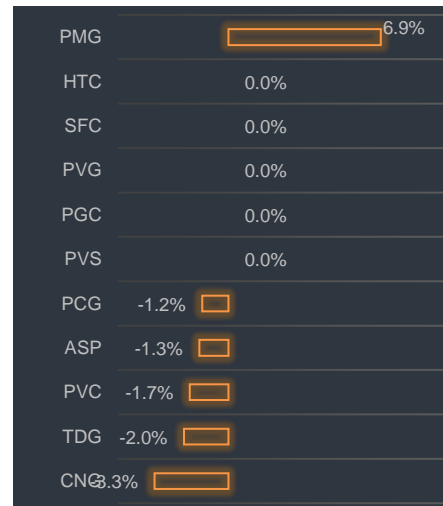
Bất động sản



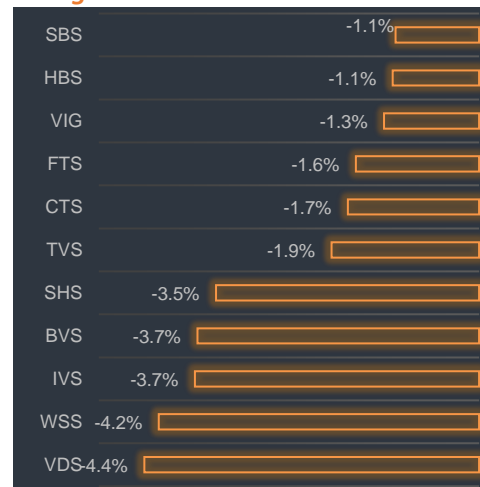
Xây dựng



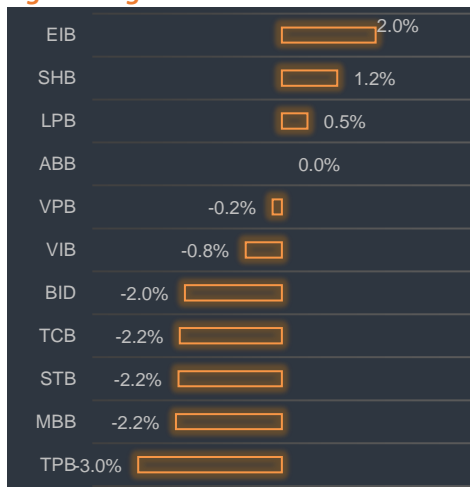
Dầu khí



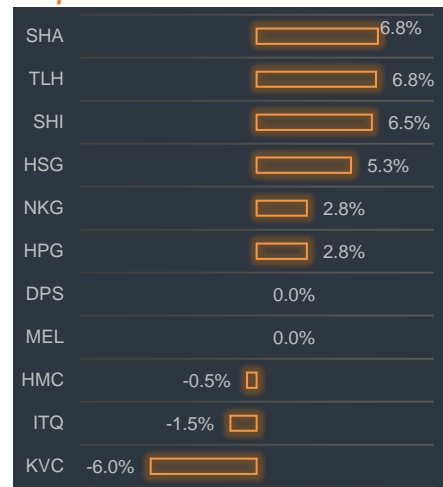
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kì khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931